TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2019/QĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Thanh P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện lời trình bày của nguyên đơn bà Đoàn Thị T:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông P có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên mới kết hôn vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng

8 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cải nhau, từ đó dẫn đến ông P bỏ về nhà mẹ ruột ở cũng cùng địa phương nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không liên lạc hay gặp nhau để hàn gắn hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thanh P.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Phan Đoàn Tấn A, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2006 (nam); Phan Đoàn Tấn K, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2015 (nam), hiện các con đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Phan Thanh P:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của bà T. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông P không tham gia nên Tòa án không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Phan Thanh P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông P là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Đoàn Thị T và ông Phan Thanh P kết hôn với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Rồng,

huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05 ngày 11 tháng 01 năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông P được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà T xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi nhau, từ đó dẫn đến ông P bỏ về nhà mẹ ruột ở trú tại ấp Kinh Tắc, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà T và ông P cũng không liên lạc hay gặp nhau để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, ông P đã được Tòa án triệu tập hòa giải hợp lệ 02 lần, nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy ông P không có thiện chí mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Bà T được ly hôn với ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Phan Đoàn Tấn A, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2006 (nam); Phan Đoàn Tấn K, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2015 (nam), hiện các con đang sống chung với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Phan Đoàn Tấn A thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ, cháu Phan Đoàn Tấn K thì từ khi bà T và ông P sống ly thân cháu K vẫn do bà T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu A, giao 02 cháu Phan Đoàn Tấn A, sinh ngày 07 tháng 11 năm năm 2006 (nam) và Phan Đoàn Tấn K, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2015 (nam) cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn*

khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí, nhưng do bà T thuộc đối tượng hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí toàn bộ.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị T. Bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Phan Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 02 cháu Phan Đoàn Tấn A, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2006 (nam) và Phan Đoàn Tấn K, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2015 (nam).

Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, bà T thuộc trường hợp miễn nộp án phí nên không phải nộp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hàm Rồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo